

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2023/DS-PT

Ngày: 17-08-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán:

Ông Lê Khắc Thịnh;

Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Trần Thị Điều-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 06 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2022/DS-ST ngày 10 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Quách Chấn N, sinh năm 1956;

1.2. Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm: 1956;

Cùng địa chỉ: Số E, khóm T, phường T, TP S, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ là anh Nguyễn Hữu N1, sinh năm: 1991. Địa chỉ: số F, Khóm A, Phường D, TP S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Trần Phương L, sinh năm 1966;

2.2. Lê Thị Bé T, sinh năm: 1966;

Cùng địa chỉ: Số H, tổ D, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bé T: Ông Trần Phương L;

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Phương L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu N1 trình bày:***

Ngày 13/5/2014, vợ chồng ông L, bà T vay của vợ chồng ông N, bà Đ số tiền 429.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 03%/tháng, mục đích vay để kinh doanh mua bán và có viết biên nhận. Sau khi vay thì ông L, bà T đóng lãi được 03 tháng rồi ngưng và cũng không trả vốn theo đúng thời hạn.

Đến năm 2018, ông L, bà T đề nghị cho trả nợ dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, nếu có điều kiện sẽ trả nhiều hơn. Vì vậy 02 bên có làm “Tờ thỏa thuận về việc trả nợ tiền theo biên nhận” lập ngày 25/12/2018 âm lịch. Sau khi lập tờ thỏa thuận thì ông L, bà T có trả dần được 08 tháng với tổng số tiền 16.000.000 đồng rồi ngưng. Hiện ông L, bà T còn nợ tiền vốn vay gốc là 413.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh N1 là đại diện theo ủy quyền của ông Quách Chấn N và bà Huỳnh Ngọc Đ thừa nhận ông Trần Phương L và bà Lê Thị Bé T có trả cho ông N bà Đ 6.000.000đ (ngày 08/4/2022 trả 3.000.000đ và ngày 08/5/2022 trả 3.000.000đ) và đồng ý trừ vào tiền vốn gốc.

Nay anh N1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà T trả số tiền vốn 407.000.000 đồng và trả lãi chậm trả tính từ ngày 25/8/2019 đến ngày 25/12/2021, lãi suất 10%/năm, thành tiền tính chẵn là 96.366.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 503.366.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Phương L trình bày: Ông L cho rằng năm 2009 có vay của ông N, bà Đ số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 06%/tháng, do không có tiền đóng lãi nên ông N, bà Đ kê tiền lãi vào tiền vốn. Tuy nhiên, ông L, bà T có trả tiền cho ông N, bà Đ nhưng không có gì chứng minh. Đến ngày 08/4/2022 có trả cho ông N, bà Đ 3.000.000 đồng và ngày 08/5/2022 trả thêm 3.000.000 đồng có biên nhận, nay ông L yêu cầu trừ lại số tiền vốn 6.000.000 đồng mà ông đã trả cho ông N, bà Đ.

Bị đơn Lê Thị Bé T: mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Lê Thị Bé T nhưng Lê Thị Bé T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Lê Thị Bé T.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ đối với ông Trần Phương L và Lê Thị Bé T.

Buộc ông Trần Phương L và Lê Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Chấn N và Huỳnh Ngọc Đ số tiền 503.366.000đ (tiền gốc 407.000.000đ và lãi là 96.366.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông L kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ đối với bị đơn là ông Trần Phương L, bà Lê Thị Bé T về việc yêu cầu trả nợ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bên bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T1 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phương L; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo tờ thỏa thuận ngày 25/12/2018 ÂL có chữ ký của Trần Phương L, Lê Thị Bé T và Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ có thể hiện nội dung “*Căn cứ vào tờ biên nhận mượn tiền ngày 13/5/2014 mà vợ chồng ông L và bà T có mượn số tiền là 429.000.000đ với thời gian là 03 tháng... Nay 2 bên sau khi bàn bạc, cuối cùng đã đi đến thống nhất, được ghi nhận như sau: Mỗi tháng trả 1 lần ít nhất 2.000.000đ... ”*. Vì vậy, có căn cứ để xác định giữa Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ và Trần Phương L, Lê Thị Bé T có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Đối với lời trình bày của ông L tại tờ tường trình ngày 26/7/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm ông L cho rằng đã trả tiền cho ông Quách Chấn N với số tiền là 398.300.000đ nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh, ông N đưa ra tờ giấy (của bao thuốc lá), nhưng nội dung không rõ ràng và phía nguyên đơn cũng

không thừa nhận; Vì vậy, việc kháng cáo của ông L cho rằng đã trả hết nợ cho ông N là không phù hợp.

Bên cạnh đó, căn cứ vào các nội dung mà ông L kháng cáo, qua kiểm tra về trình tự thủ tục theo tố tụng thì cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về trình tự thủ tục tố tụng của ông L.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên ông L phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Phương L;
2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Cao Lãnh;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Chấn N, Huỳnh Ngọc Đ đối với ông Trần Phương L và Lê Thị Bé T.

Buộc ông Trần Phương L và Lê Thị Bé T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Chấn N và Huỳnh Ngọc Đ số tiền 503.366.000đ (Trong đó, tiền gốc 407.000.000đ và lãi là 96.366.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Ông Quách Chấn N và Huỳnh Ngọc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
 - + Ông Trần Phương L và Lê Thị Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.135.000đ (đã được làm tròn số).

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Trần Phương L phải chịu 300.000đ tiền án phí DSPT được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009979 ngày 13/10/2022 tại Chi Cục Thi Hành án Huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh